TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 306/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 của người yêu cầu:

- Ông Võ Văn N - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 876 đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Và bà Lê Thị Hoài N1 - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Hoài N1 và ông Võ Văn N kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2015, quyển số 01/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ bà N1 ở Thôn T, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất vào khoảng tháng 3/2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng tính tình và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn giữa ông N với gia đình bà N1. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Tại phiên giải, ông N và bà N1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài được nên nguyện vọng của ông bà là yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Võ

Văn N và bà Lê Thị Hoài N1 là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn của ông N và bà N1.

[2] *Về con chung:* Ông N và bà N1 xác định vợ chồng có 01 con chung là: Võ Thị Hoài T - Sinh ngày: 10/01/2016 và thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Võ Thị Hoài T cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, Ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2019 và vào ngày 28 hàng tháng. Xét thoả thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của ông N và bà N1 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Võ Văn N và bà Lê Thị Hoài N1 xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Ông Võ Văn N và bà Lê Thị Hoài N1 xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự*: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Hoài N1 và ông Võ Văn N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà N1 và ông N đã nộp theo biên lai thu số 0000734 ngày 18/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Hoài N1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Võ Văn N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Võ Văn N phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[6] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 15 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Hoài N1 và ông Võ Văn N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Bà Lê Thị Hoài N1 và ông Võ Văn N xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Võ Thị Hoài T - Sinh ngày:

10/01/2016 cho bà Lê Thị Hoài N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2019 và vào ngày 28 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Hoài N1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Võ Văn N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Võ Văn N phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị Hoài N1 và ông Võ Văn N xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự*: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Hoài N1 và ông Võ Văn N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà N1 và ông N đã nộp theo biên lai thu số 0000734 ngày 18/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông N và bà N1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Phát;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền